

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KT

Ninh Sơn, ngày tháng năm 2024

V/v thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư năm 2023.

Kính gửi:

- Các phòng, ban trực thuộc UBND huyện;
- Ban quản lý dự án và Đầu tư xây dựng huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã và thị trấn.

Căn cứ Luật Đầu tư công 2019;

Căn cứ Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 05/2023/TT-BKHĐT ngày 30/6/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư; chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu các cơ quan, đơn vị báo cáo tình hình thực hiện cụ thể như sau:

1. Yêu cầu các phòng, ban và các địa phương báo cáo trực tuyến về giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư năm 2023 trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ giám sát theo quy định tại Thông tư số 05/2023/TT-BKHĐT ngày 30/6/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Đồng thời, đề nghị gửi Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư năm 2023 về UBND huyện qua phòng Tài chính Kế hoạch huyện (**kèm theo file word, excel theo địa chỉ: T0982421913@gmail.com**) trước ngày 31/01/2024. Quá thời hạn nêu trên, đơn vị nào không có văn bản gửi về Ủy ban nhân dân huyện (qua phòng Tài chính – Kế hoạch) thì Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện theo quy định.

2. Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư năm 2023 của các cơ quan, đơn vị cần thống kê đầy đủ số liệu và các nội dung theo quy định (các cột dọc, ngang của các phụ biểu), số liệu phải đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo, chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật do báo cáo, cung cấp thông tin không chính xác về tình hình thực hiện đầu tư trong phạm vi quản lý được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 96 Nghị định 29/2021/NĐ-CP.

3. Báo cáo của các cơ quan, đơn vị lập theo **Mẫu số 01** kèm **Phụ biểu 01, 02 và 03.1, 03.2, 04, 05, 06, 07 và 08; mẫu số 19** của Thông tư số 05/2023/TT-BKHĐT ngày 30/6/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Trường hợp có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị vào địa chỉ <https://taikhoan.mpi.gov.vn> để được hướng dẫn đăng ký và cấp chứng thư số để thực hiện theo quy định.

4. Giao phòng Tài chính Kế hoạch tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân huyện báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư theo đúng quy định.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch; các PCT UBND huyện;
- Lưu VPUB: VT, LTT

CHỦ TỊCH



Kiều Tấn Thịnh

Mẫu số 01**Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư cả năm****TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCGSĐT

, ngày tháng năm.....

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ TỔNG THỂ ĐẦU TƯ**(Năm...)**

Kính gửi:

I. TÌNH HÌNH BAN HÀNH CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN CÁC CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ THEO THẨM QUYỀN:

- Nêu các văn bản hướng dẫn được ban hành trong kỳ báo cáo (*số văn bản, ngày tháng ban hành, trích yếu văn bản*).
- Đánh giá sơ bộ hiệu quả và tác động của các văn bản hướng dẫn được ban hành đối với việc quản lý đầu tư.

II. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ QUY HOẠCH (*nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết*).

1. Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch thuộc lĩnh vực quản lý.
2. Việc quản lý thực hiện các quy hoạch theo quy định.
3. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ (*nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết*).

- Tổng hợp số liệu về kế hoạch vốn đầu tư trong năm;
- Tình hình thực hiện vốn đầu tư trong kỳ (*giá trị khối lượng thực hiện của tất cả các nguồn vốn*);
- Kết quả huy động và giải ngân vốn đầu tư trong kỳ;
- Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có);
- Tình trạng lãng phí, thất thoát vốn đầu tư (nếu có).

*(Kèm theo Phụ biểu 01)***IV. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ CÔNG***(nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết)*.

1. Việc lập, thẩm định, quyết định/điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình.
2. Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư/điều chỉnh chương trình.
3. Tình hình thực hiện các chương trình.
 - a) Việc quản lý thực hiện chương trình: *lập kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết triển khai chương trình; thực hiện và điều chỉnh kế hoạch triển khai chương trình;*
 - b) Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án thành phần, dự án thuộc chương trình;
 - c) Tình hình thực hiện chương trình: *tiến độ thực hiện các mục tiêu của chương trình; tổng hợp tình hình thực hiện dự án thành phần thuộc chương trình; giá trị khối lượng thực hiện;*
 - d) Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư: *việc huy động vốn cho chương trình; giải ngân; nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có) của các dự án thành phần thuộc chương trình;*
 - đ) Năng lực tổ chức thực hiện dự án thành phần thuộc chương trình và việc chấp hành quy định về quản lý đầu tư của chủ dự án thành phần;
4. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết.

(Kèm theo Phụ biểu 02)

V. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG *(nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).*

1. Tình hình lập, thẩm định, quyết định/điều chỉnh chủ trương đầu tư.
2. Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư, điều chỉnh dự án.
3. Tình hình lập, thẩm định phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán.
4. Tình hình thực hiện các dự án:
 - a) Việc quản lý thực hiện dự án: *lập kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện dự án; tình hình thực hiện và điều chỉnh kế hoạch;*
 - b) Tình hình thực hiện dự án đầu tư: *tiến độ thực hiện; khối lượng và giá trị khối lượng thực hiện; chất lượng công việc; các biến động trong quá trình thực hiện dự án;*
 - c) Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư: *việc huy động vốn cho dự án; giải ngân (tạm ứng, thu hồi tạm ứng, thanh toán); quyết toán vốn dự án hoàn thành; nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có) và việc xử lý;*
 - d) Năng lực tổ chức thực hiện dự án và việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư, của ban quản lý dự án và các nhà thầu;
 - đ) Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện dự án và việc xử lý theo thẩm quyền;
 - e) Đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền.
5. Tình hình khai thác, vận hành dự án đã hoàn thành.
6. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết.

(Kèm theo các Phụ biểu: 03.1, 03.2, 07 và 08)

VI. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

NGOÀI ĐẦU TƯ CÔNG (nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).

1. Tình hình thực hiện dự án đầu tư: Tình hình lập, thẩm định phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán; tiến độ thực hiện; khối lượng và giá trị khối lượng thực hiện; chất lượng công việc; các biến động trong quá trình thực hiện dự án.
2. Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư: việc huy động vốn cho dự án (vốn nhà nước, vốn chủ sở hữu, vốn vay); giải ngân (tạm ứng, thu hồi tạm ứng, thanh toán); quyết toán vốn dự án hoàn thành; nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có) và việc xử lý.
3. Tình hình khai thác, vận hành dự án: kết quả hoạt động đầu tư kinh doanh, thông tin về lao động, nộp ngân sách nhà nước, đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, tình hình tài chính của doanh nghiệp và các chỉ tiêu chuyên ngành theo lĩnh vực hoạt động.
4. Việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường, sử dụng đất đai, sử dụng tài nguyên khoáng sản theo quy định.
5. Việc thực hiện các nội dung quy định tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) và quyết định đầu tư Dự án.
6. Việc đáp ứng các điều kiện đầu tư kinh doanh đối với các dự án thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.
7. Tình hình thực hiện ưu đãi đầu tư (nếu có).
8. Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện, khai thác, vận hành dự án và kết quả xử lý.

(Kèm theo Phụ biểu 03.1 và Phụ biểu 08)

VII. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).

1. Tình hình xây dựng và công bố dự án.
2. Tổng hợp tình hình thực hiện việc lựa chọn nhà đầu tư, đàm phán, ký kết hợp đồng dự án.
3. Tổng hợp tình hình thực hiện Hợp đồng dự án.
4. Việc chấp hành quy định về quản lý đầu tư của các bên ký kết hợp đồng dự án trong việc thực hiện Hợp đồng dự án.
5. Tình hình thực hiện quyết toán, khai thác, vận hành dự án.
6. Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện dự án (nếu có) và việc xử lý theo thẩm quyền.

(Kèm theo Phụ biểu 04 và Phụ biểu 08)

VIII. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN KHÁC (nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).

1. Tiến độ thực hiện dự án và tiến độ thực hiện mục tiêu của dự án.
2. Tiến độ góp vốn đầu tư, vốn điều lệ, vốn pháp định (đối với các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có yêu cầu phải có vốn pháp định).
3. Tình hình khai thác, vận hành dự án: *Kết quả hoạt động đầu tư kinh doanh, thông tin về lao động, nộp ngân sách nhà nước, đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, tình hình tài chính của doanh nghiệp và các chỉ tiêu chuyên ngành theo lĩnh vực hoạt động.*
4. Việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường, sử dụng đất đai, sử dụng tài nguyên khoáng sản theo quy định.
5. Việc thực hiện quy định tại văn bản quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).
6. Việc đáp ứng các điều kiện đầu tư kinh doanh đối với các dự án thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.
7. Tình hình thực hiện ưu đãi đầu tư (nếu có).
8. Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện, khai thác, vận hành dự án và kết quả xử lý.

(Kèm theo Phụ biểu số 05 và Phụ biểu 08)

IX. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ CỦA CÁC CHỦ ĐẦU TƯ VÀ CƠ QUAN NHÀ NƯỚC *(nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).*

1. Tình hình thực hiện chế độ báo cáo.
2. Đánh giá chất lượng của các báo cáo.
3. Kết quả kiểm tra, đánh giá dự án đầu tư trong kỳ.
 - Số dự án được kiểm tra; mức độ đạt được so với kế hoạch *(kèm theo danh mục các dự án được người có thẩm quyền quyết định đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước tổ chức kiểm tra);*
 - Số dự án được đánh giá; mức độ đạt được so với kế hoạch *(kèm theo danh mục các dự án được đánh giá theo từng loại đánh giá);*
 - Các phát hiện chính sau khi kiểm tra, đánh giá các dự án.
4. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá dự án đầu tư trong kỳ tiếp theo *(kèm theo danh mục các dự án dự kiến sẽ kiểm tra, đánh giá trong kỳ).*
5. Đánh giá chung về công tác giám sát, đánh giá đầu tư trong kỳ.
6. Kết quả xử lý sau giám sát, đánh giá đầu tư.
7. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết.

X. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG *(nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).*

1. Tình hình triển khai công tác giám sát đầu tư của cộng đồng: *Công tác đào tạo, tăng cường năng lực; cơ cấu tổ chức, kinh phí hoạt động; số dự án được giám sát;...*
2. Tình hình thực hiện chế độ báo cáo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

các cấp.

3. Đánh giá chất lượng của các báo cáo.

4. Các phát hiện chính của công tác giám sát đầu tư của cộng đồng:

a) Sự phù hợp của quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư với quy hoạch, kế hoạch đầu tư trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật;

b) Việc chấp hành các quy định của chủ đầu tư về: chỉ giới đất đai và sử dụng đất; quy hoạch mặt bằng chi tiết, phương án kiến trúc, xây dựng; xử lý chất thải, bảo vệ môi trường; đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư; tiến độ, kế hoạch đầu tư;

c) Tình hình triển khai và tiến độ thực hiện các chương trình, dự án;

d) Những việc làm xâm hại đến lợi ích của cộng đồng; những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường trong quá trình thực hiện đầu tư, vận hành dự án.

đ) Phát hiện những việc làm gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản thuộc dự án.

e) Việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình đầu tư.

5. Kết quả xử lý sau giám sát đầu tư của cộng đồng.

6. Các khó khăn vướng mắc, kiến nghị giải pháp xử lý.

(Kèm theo Phụ biểu 06)

(Nội dung giám sát đầu tư của cộng đồng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện, định kỳ hằng năm)

XI. CÁC ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Các đề xuất về đổi mới cơ chế, chính sách, điều hành của Chính phủ, các Bộ, ngành.

2. Các đề xuất về tổ chức thực hiện.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(ký tên, đóng dấu)

III	Dự án đầu tư theo phương thức PPP								
1	Vốn nhà nước tham gia dự án PPP								
1.	Vốn đầu tư công								
1.	Vốn nhà nước khác								
2	Vốn chủ sở hữu								
3	Vốn huy động								
3.	Trong nước								
3.	Nước ngoài								
IV	Dự án sử dụng nguồn vốn khác (vốn của các nhà đầu tư trong nước, vốn đầu tư nước ngoài)								
1	Vốn trong nước								
2	Vốn nước ngoài								
V	Tổng cộng								
1	Vốn đầu tư công (I.1+III.1.1)								
2	Vốn nhà nước ngoài ĐTC (I.2+II.1 +								
3	Vốn khác								
3.	Trong nước								
1	(I.3.1+II.2.1+III.3.1+I								
3.	Nước ngoài								
2	(I.3.2+II.2.2+III.3.2+I								

¹ Sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán

² Theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

³ Là vốn không phải vốn đầu tư công hoặc vốn nhà nước ngoài đầu tư công được sử dụng trong dự án đầu tư công

⁴ Đối với dự án sử dụng nguồn vốn khác: Chỉ cần điền thông tin vào các cột sau: cột số (1): ghi tổng vốn của các dự án đăng ký mới hoặc giá trị tăng thêm của các dự án điều chỉnh vốn đầu tư trong năm; cột số (4): giá trị thực hiện; cột số (6): giá trị giải ngân; cột (8) và (9) (nếu có).

Phụ biểu 02**Tổng hợp số liệu về chương trình đầu tư công (của cơ quan là chủ trương trình, chủ dự án thành phần hoặc chủ đầu tư dự án)**

TT	Nội dung	Chương trình mục tiêu quốc gia	Chương trình ĐTC do Chính phủ, Thủ tướng CP quyết định	Chương trình ĐTC do địa phương quyết định CTĐT
I	Chủ chương trình¹			
1	Số lượng chương trình			
2	Tổng vốn kế hoạch (tỷ đồng)			
3	Giá trị thực hiện (tỷ đồng)			
4	Giá trị giải ngân (tỷ đồng)			
II	Chủ dự án thành phần²			
1	Số lượng dự án			
2	Tổng vốn kế hoạch (tỷ đồng)			
3	Giá trị thực hiện (tỷ đồng)			
4	Giá trị giải ngân (tỷ đồng)			
III	Chủ đầu tư dự án thuộc chương			
1	Số lượng dự án			
2	Tổng vốn kế hoạch (tỷ đồng)			
3	Giá trị thực hiện (tỷ đồng)			
4	Giá trị giải ngân (tỷ đồng)			

¹ Là cơ quan, tổ chức được giao chủ trì quản lý chương trình ĐTC (đối với chương trình MTQG, chủ chương trình là cơ quan chủ trì quản lý tổng thể toàn bộ chương trình); báo cáo tổng hợp số liệu của toàn bộ các chương trình ĐTC do mình quản lý.

² Là cơ quan, tổ chức được giao chủ trì thực hiện dự án thành phần thuộc chương trình ĐTC; báo cáo tổng hợp số liệu của toàn bộ các dự án thành phần thuộc chương trình ĐTC do mình chủ trì quản lý.

³ Là chủ đầu tư thực hiện dự án thuộc chương trình ĐTC; báo cáo tổng hợp số liệu của toàn bộ các dự án do mình làm chủ đầu tư trong các chương trình.

Các cơ quan báo cáo số liệu tại mục I, II, III tương ứng với vai trò của mình trong chương trình ĐTC. Trường hợp một cơ quan đồng thời thực hiện nhiều vai trò (chủ chương trình, chủ dự án thành phần, chủ đầu tư dự án thuộc chương trình) thì báo cáo số liệu tại tất cả các mục tương ứng với vai trò của mình.

d	Số dự án phải điều chỉnh do các nguyên													
12	Số dự án phải ngừng thực hiện vì các lý do													
13	Số dự án thực hiện lựa chọn nhà thầu trong kỳ													
a	Tổng số gói thầu đã tổ chức lựa chọn nhà thầu													
-	Chỉ định thầu													
	Đấu thầu hạn chế													
	Đấu thầu rộng rãi													
-	Hình thức khác													
b	Tổng số gói thầu có vi phạm thủ tục đấu thầu được phát hiện trong kỳ													
-	Đấu thầu không đúng quy định													
-	Ký hợp đồng không đúng quy định													
III	Kết thúc đầu tư, bàn giao đưa vào sử dụng													
1	Số dự án kết thúc đầu tư trong kỳ													
2	Lũy kế số dự án đã kết thúc nhưng chưa được quyết toán													
3	Số dự án được quyết toán trong kỳ													
4	Tình hình khai thác vận hành trong kỳ													
a	Số dự án đã đưa vào vận hành													
b	Số dự án đã đưa vào sử dụng có vấn đề về kỹ thuật, không có hiệu													
c	Số dự án được đánh giá tác động trong kỳ													

Ghi chú:

- QTQG: Dự án quan trọng quốc gia
- Phân loại dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công theo tiêu chí phân loại dự án đầu tư công.

	nhưng chưa được quyết																		
3	Số dự án được quyết toán trong kỳ																		
4	Tình hình khai thác vận																		
a	Số dự án đã đưa vào vận																		
b	Số dự án đã đưa vào sử dụng có vấn đề về kỹ thuật, không																		
c	Số dự án được đánh giá tác động trong kỳ																		

Ghi chú: Trường hợp dự án sử dụng đồng thời nhiều nguồn vốn (ODA, NSTW, NSDP, vốn ĐTC khác) thì được tính trong tất cả các cột tương ứng với nguồn vốn sử dụng. Ví dụ: dự án sử dụng cả vốn ODA và vốn NSTW (trong nước) thì dự án đó được tổng hợp ở cả cột (1) và cột (6).

21
Phụ biểu 04

Tình hình thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư các dự án đầu tư theo phương thức PPP trong kỳ

TT	Nội dung	Tổng số	Phân theo nhóm dự án			
			(1)	(2)	(3)	(4)
I	Tình hình thực hiện thủ tục đầu tư					
1	Số dự án được quyết định chủ trương					
2	Số dự án có quyết định đầu tư					
3	Số dự án hoàn thành lựa chọn nhà đầu tư					
a	<i>Chỉ định nhà đầu tư</i>					
b	<i>Đấu thầu rộng rãi</i>					
4	Số dự án được điều chỉnh chủ trương					
5	Số dự án được điều chỉnh quyết định					
6	Số dự án được ký kết hợp đồng					
II	Tình hình thực hiện đầu tư					
1	Số dự án thực hiện đầu tư					
a	<i>Số dự án chuyển tiếp</i>					
b	<i>Số dự án khởi công mới</i>					
2	Số dự án đã thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định					
3	Số dự án đã thực hiện kiểm tra (do người có thẩm quyền Quyết định đầu tư và cơ quan quản lý NN thực hiện)					
4	Số dự án đã thực hiện đánh giá					
5	Số dự án có vi phạm quy định về thủ tục đầu tư, quản lý chất lượng được					
6	Số dự án có thất thoát, lãng phí được phát hiện (theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền)					
a	<i>Tổng cộng tổng mức đầu tư của các dự án có thất thoát, lãng phí bị phát hiện</i>					
b	<i>Tổng số tiền bị thất thoát, lãng phí được xác định</i>					
7	Số dự án chậm tiến độ					
a	<i>Số dự án chậm tiến độ do thủ tục đầu tư</i>					
b	<i>Số dự án chậm tiến độ do công tác giải phóng mặt bằng</i>					

<i>c</i>	<i>Số dự án chậm tiến độ do năng lực của Nhà đầu tư, nhà thầu</i>					
<i>d</i>	<i>Số dự án chậm tiến độ do nguyên nhân</i>					
8	Số dự án phải điều chỉnh					
<i>a</i>	<i>Số dự án phải điều chỉnh mục tiêu, quy mô đầu tư</i>					
<i>b</i>	<i>Số dự án phải điều chỉnh vốn đầu tư</i>					
<i>c</i>	<i>Số dự án phải điều chỉnh tiến độ đầu</i>					
<i>d</i>	<i>Số dự án phải điều chỉnh do các nguyên nhân khác</i>					
9	Số dự án phải ngừng thực hiện vì các lý do khác nhau					
III	Kết thúc đầu tư, bàn giao đưa vào					
1	Số dự án kết thúc đầu tư					
2	Lũy kế số dự án đã kết thúc nhưng chưa được quyết toán					
3	Số dự án được quyết toán					
4	Tình hình khai thác vận hành					
<i>a</i>	<i>Lũy kế số dự án đã đưa vào vận hành</i>					
<i>b</i>	<i>Số dự án đã đưa vào sử dụng có vấn đề về kỹ thuật.</i>					
<i>c</i>	<i>Số dự án đã đưa vào sử dụng nhưng hiệu quả thấp hoặc không hiệu quả</i>					

Ghi chú:

- (1) Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội.
- (2) Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.
- (3) Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật PPP.
- (4) Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Tình hình thực hiện giám sát đầu tư các dự án sử dụng các nguồn vốn khác

TT	Nội dung	Tổng số	Dự án FDI			Dự án trong		
			(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	Số dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư trong kỳ							
2	Số dự án được điều chỉnh chủ trương đầu tư trong kỳ							
3	Số dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong kỳ							
4	Số dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh trong kỳ							
5	Số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ							
a	<i>Dự án cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư</i>							
b	<i>Dự án không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư</i>							
6	Tổng vốn đầu tư đăng ký (tỷ đồng)							
a	<i>Lũy kế tổng vốn đăng ký đầu tư</i>							
b	<i>Tổng số vốn đăng ký đầu tư tăng thêm trong kỳ</i>							
-	Dự án đăng ký mới							
-	Dự án đăng ký điều chỉnh tăng vốn							
7	Tổng vốn đầu tư thực hiện (tỷ đồng)							
a	<i>Lũy kế tổng vốn đầu tư thực hiện</i>							
b	<i>Tổng vốn đầu tư thực hiện trong kỳ</i>							
	Vốn chủ sở hữu							
	Vốn vay							
	Vốn huy động hợp pháp khác							
8	Số dự án đã được kiểm tra, đánh giá trong kỳ							
9	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý đầu tư được phát hiện trong							
10	Số dự án có vi phạm quy định về bảo vệ môi trường được phát hiện							
11	Số dự án có vi phạm quy định về sử dụng đất đai được phát hiện trong							

12	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý								
----	---	--	--	--	--	--	--	--	--

	tài nguyên được phát hiện trong kỳ							
13	Số dự án phải thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong kỳ							
14	Số dự án đã kết thúc đầu tư trong kỳ							
15	Số dự án đưa vào khai thác vận hành trong kỳ							
<i>a</i>	<i>Số dự án có lợi nhuận</i>							
<i>b</i>	<i>Tình hình nộp ngân sách (tỷ đồng)</i>							

Ghi chú:

- (1) : Dự án thuộc diện Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư.
- (2) : Dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư.
- (3) : Dự án không phải chấp thuận chủ trương đầu tư.

Phụ biểu 06

Tổng hợp kết quả giám sát đầu tư của cộng đồng

Tên địa phương:

Năm:

STT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong đó:			Ghi
			Dự án sử dụng vốn và công sức cộng đồng; vốn ngân sách cấp xã; vốn tài trợ	Dự án đầu tư công, dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công và dự án đầu tư theo	Dự án sử dụng vốn khác	
1	Tổng số dự án đầu tư trên địa bàn					
2	Tổng số dự án cộng đồng đã giám sát, trong đó:					
a	Đúng quy định					
b	Có vi phạm					
c	Chưa xác định được					
3	Số dự án cộng đồng chưa giám sát, trong					
a	Do các cơ quan chưa công khai					
b	Do chủ đầu tư chưa công khai thông tin					
c	Lý do khác					
4	Tổng số dự án cộng đồng đã phản ánh có vi phạm:					
a	Đã có thông báo kết quả xử					
b	Chưa có thông báo kết quả xử					
c	Chủ đầu tư đã chấp hành theo thông báo					

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NHÓM A, B, C SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG
(Năm....)

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Tên dự án	Chức vụ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn (liệt kê các nguồn vốn sử dụng cho dự án)	Lũy kế giá trị thực hiện đến hết năm báo cáo	Lũy kế giải ngân đến 31/01 năm tiếp theo	Kế hoạch vốn năm sau (bao gồm số chuyển nhượng)	Tình hình thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư	Phát hiện vi phạm về thủ tục đầu tư	Phát hiện vi phạm về quản lý chất lượng	Tổng số tiền phải thu hồi, giảm trừ ⁸ (nếu có)	Thất thoát, lãng phí được phát hiện ⁹ (nếu có)	Chậm tiến độ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
A	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI												
I	Dự án nhóm A												
1													
2													
(...)													
II	Dự án nhóm B												
1													
2													
(...)													
III	Dự án nhóm C												
1													
2													
(...)													
B	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP												
I	Dự án nhóm A												
1													
2													
(...)													
II	Dự án nhóm B												
1													
2													
(...)													
III	Dự án nhóm C												

1													
2													
(...)													
C	DỰ ÁN KẾT THÚC ĐẦU TƯ TRONG KỲ												
I	Dự án nhóm A												
1													
2													
(...)													
II	Dự án nhóm B												
1													
2													
(...)													
III	Dự án nhóm C												
1													
2													
(...)													

Ghi chú:

Các cột số: (9), (10), (11), (13), (14): đánh dấu x vào ô tương ứng (nếu có).

- ⁸ Sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán
- ⁹ Theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền

Phụ biểu 08

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA

(Năm....)

Đơn vị tính: tỷ
đồng

TT	Tên dự án	Chiều dài đầu tư	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn (liệt kê các nguồn vốn sử dụng cho dự án)	Luỹ kế giá trị thực hiện đến hết năm báo	Luỹ kế giải ngân đến 31/01 năm tiếp theo	Kế hoạch vốn năm sau (bao gồm số chuyển)	Tình hình thực hiện báo cáo giám sát, đánh	Phát hiện vi phạm về thủ tục đầu tư	Phát hiện vi phạm về quản lý chất lượng	Tổng số tiền phải thu hồi, giảm trừ ¹⁰ (nếu	Thất thoát, lãng phí được phát hiện ⁴ ⁵	Chậm tiến độ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
A DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA													
I Dự án khởi công mới													
1													
2													
(...)													
II Dự án chuyển tiếp													
1													
2													
(...)													
III Dự án kết thúc đầu tư trong kỳ													
1													
2													
(...)													
B DỰ ÁN PHÁT SINH TIÊU CHÍ QUAN TRỌNG QUỐC GIA													
I Dự án chuyển tiếp													
1													
2													
(...)													
II Dự án kết thúc đầu tư trong kỳ													
1													
2													
(...)													

Ghi chú:

Các cột số: (9), (10), (11), (13), (14): đánh dấu x vào ô tương ứng nếu có.

⁴ Sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán⁵ Theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền

**Mẫu số 19. Báo cáo tình hình giám sát đầu tư của cộng đồng Tên
Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng xã (Quý .../năm....)**

Kính gửi:

Số TT	Tên dự án	Kiểm tra sự phù hợp của quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư với quy hoạch, kế hoạch đầu tư trên địa bàn xã	Theo dõi, kiểm tra việc chủ đầu tư chấp hành các quy định về: chỉ giới đất đai và sử dụng đất; quy hoạch mặt bằng chi tiết; phương án kiến trúc, xây dựng; xử lý chất thải, bảo vệ môi trường; đền bù giải phóng	Tình hình triển khai và tiến độ thực hiện các chương trình, dự án	Phát hiện việc làm xâm hại đến lợi ích cộng đồng; tác động tiêu cực của dự án đến môi trường	Phát hiện những việc làm gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản của dự án	Kiểm tra việc thực hiện công khai minh bạch trong quá trình đầu tư	Theo dõi, kiểm tra nhà thầu tuân thủ các quy phạm kỹ thuật, định mức vật tư và	Theo dõi kiểm tra kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Dự án sử dụng vốn và công sức cộng đồng, vốn ngân sách cấp xã, vốn tài trợ trực tiếp cho xã								
1									
2									
(...)									
II	Dự án theo phương thức đối tác công tư, các dự án sử dụng vốn nhà nước (trừ các dự án ở Mục I)								
1									
2									
(...)									
III	Dự án sử dụng nguồn vốn khác								
1									
2									
(...)									

Ban giám sát cộng đồng xã....

Ghi chú:

Đánh dấu x vào ô tương ứng với nội dung đã được giám sát; trong đó:

- Đối với các dự án ở Mục I cần giám sát tất cả các nội dung.
- Đối với các dự án ở Mục II cần giám sát các nội dung: (3), (4), (5), (6), (7), (8).
- Đối với các dự án ở Mục III cần giám sát các nội dung: (3), (4), (5), (6), (8).